

Số: 71/TB-ST.19  
V/v: thực hiện khuyến mại

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 09 năm 2019

## THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi : SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG

- Tên thương nhân: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG  
TẠI SÓC TRĂNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 649 Trần Hưng Đạo, phường 03, Tp Sóc Trăng.
- Điện thoại: 02993.625151 Fax: 02993.625150
- Email: kimanh1413@gmail.com
- Mã số thuế: 1800156801-011
- Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Anh Điện thoại: 0939.967607

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Sóc Trăng thông báo chương trình khuyến mại sau:

### Nội dung chương trình khuyến mại:

- Tên chương trình khuyến mại: **Chương trình khuyến mại sản phẩm DHG**
- Địa bàn (phạm vi) khuyến mại: Tỉnh Sóc Trăng.
- Hình thức khuyến mại: Tặng quà.
- Thời gian khuyến mại: từ 01/10/2019 đến 31/10/2019
- Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:

#### \* Chương trình 1:

| STT | Danh mục   | Tên sản phẩm                                                     | Đvt  | Nguyên giá<br>(Chưa VAT) |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|
| 1   | Danh mục 1 | Haginat 500 v/5 h/10 t/1920                                      | Hộp  | 142,850                  |
| 2   |            | Aticef 250 gói/1,5g h/24 t/3456                                  | Hộp  | 43,440                   |
| 3   |            | Aticef 500 caps (xanh dương đậm-xanh dương nhạt) ch/100 t/12600  | Chai | 210,000                  |
| 4   |            | Aticef 500 caps (xanh dương đậm-xanh dương nhạt) v/7 h/14 t/2688 | Hộp  | 30,800                   |
| 5   |            | Hagimox capsules (đỏ-cam) v/10 h/100 t/7200                      | Hộp  | 140,000                  |
| 6   |            | Hagimox capsules (hồng đậm-hồng nhạt) v/10 h/100 t/7200          | Hộp  | 140,000                  |
| 7   |            | Hagimox capsules (nâu bạc-cam bạc) v/10 h/100 t/7200             | Hộp  | 140,000                  |
| 8   |            | Hapenxin 250 Kids G/1.4gr h/24 t/3456                            | Hộp  | 36,000                   |
| 9   |            | Hapenxin capsules (hồng-trắng) ch/100 t/12600                    | Chai | 160,000                  |

| STT | Danh mục   | Tên sản phẩm                                         | Đvt  | Nguyên giá (Chưa VAT) |
|-----|------------|------------------------------------------------------|------|-----------------------|
| 10  |            | Hapenxin capsules (xám đậm-vàng nhạt) ch/100 t/12600 | Chai | 160,000               |
| 11  |            | Hapenxin capsules (xanh-tím) ch/100 t/12600          | Chai | 160,000               |
| 12  |            | Nifin 100 Kids gói/1,5gr h/24 t/2880                 | Hộp  | 148,800               |
| 13  |            | Nifin 50 Kids gói/1,5gr h/24 t/2880                  | Hộp  | 96,000                |
| 14  |            | Nifin 100 Tabs v/10 h/20 t/2400                      | Hộp  | 124,000               |
| 15  |            | Nifin 200 Tabs v/10 h/20 t/2400                      | Hộp  | 160,000               |
| 16  |            | Hafixim 100 Kids G/1.5gr h/24 t/2880                 | Hộp  | 120,000               |
| 17  |            | Hafixim 50 Kids G/0.75gr h/24 t/3456                 | Hộp  | 75,432                |
| 18  |            | Cefdinir 300 v/10 h/20 t/3600                        | Hộp  | 240,000               |
| 19  |            | Omeprazol DHG v/10 h/30 t/3600                       | Hộp  | 24,000                |
| 20  |            | Fatodin 40 v/10 h/100 t/12600                        | Hộp  | 80,000                |
| 21  |            | Fubenzon h/1 t/480                                   | Hộp  | 4,762                 |
| 22  |            | Hamett gói/3.8gr h/24                                | Hộp  | 48,000                |
| 23  | Danh mục 2 | Unikids kềm chai/50g                                 | Chai | 18,000                |
| 24  |            | Unikids Zinc 70 gói/1,5g h/24                        | Hộp  | 60,000                |
| 25  |            | Fenaflam v/10 h/20 t/15120                           | Hộp  | 28,560                |
| 26  |            | BisacodylDHG v/25 h/100 t/22500                      | Hộp  | 30,000                |
| 27  |            | Atorlip 10 v/10 h/30 t/5400                          | Hộp  | 57,150                |
| 28  |            | Atorlip 20 v/10 h/30 t/6240                          | Hộp  | 90,000                |
| 29  |            | GliritDHG 500mg/2,5mg v/10 h/30 t/5940               | Hộp  | 60,000                |
| 30  |            | GliritDHG 500mg/5mg v/10 h/30 t/5940                 | Hộp  | 66,000                |
| 31  |            | Lipvar 10 v/10 h/30                                  | Hộp  | 60,000                |
| 32  |            | Lipvar 20 v/10 h/30                                  | Hộp  | 93,000                |
| 33  |            | Vastec 35 MR v/10 h/50                               | Hộp  | 75,000                |
| 34  |            | Gavix v/14 h/14                                      | Hộp  | 154,000               |
| 35  |            | Medskin Acyclovir 400 v/10 h/60 t/4320               | Hộp  | 150,000               |
| 36  |            | Medskin Acyclovir 800 v/10 h/30 t/3600               | Hộp  | 120,000               |
| 37  |            | Medskin clovir 200 v/10 h/50 t/8000                  | Hộp  | 70,000                |
| 38  |            | Medskin Clovir t/5g t/540                            | Tube | 17,000                |
| 39  |            | Bé nóng ch/100 h/1 t/38400                           | Chai | 8,000                 |
| 40  |            | Coldacmin sinus v/10 h/100                           | Chai | 26,000                |
| 41  |            | Slocol c/100                                         | Chai | 38,000                |
| 42  |            | Dextromethorphan ch/100 h/1 t/28000                  | Hộp  | 19,000                |
| 43  |            | Angut 300 v/10 h/100 t/11200                         | Hộp  | 85,000                |
| 44  |            | Cotilam tube/20g t/420                               | Tube | 12,000                |
| 45  |            | Hagifen v/10 h/100 t/9600                            | Hộp  | 42,500                |

| STT | Danh mục | Tên sản phẩm                          | Đvt  | Nguyên giá (Chưa VAT) |
|-----|----------|---------------------------------------|------|-----------------------|
| 46  |          | Patest 250 v/10 h/100 t/11200         | Hộp  | 40,000                |
| 47  |          | PoncifDHG v/10 h/30 t/6480            | Hộp  | 14,400                |
| 48  |          | Iboten v/10 h/100 t/21600             | Hộp  | 76,200                |
| 49  |          | Men vi sinh YUNPRO G/2gr H/20 T/1.200 | Hộp  | 106,000               |
| 50  |          | Ivis B12 ch/5ml h/1                   | Chai | 23,000                |
| 51  |          | Ivis Levofloxacin ch/5ml h/1 t/720    | Chai | 34,000                |
| 52  |          | Eyelight Daily v/10 h/30 t/3600       | Hộp  | 75,000                |
| 53  |          | Eyelight Ganat (TP) v/10 h/30 t/5670  | Hộp  | 27,270                |
| 54  |          | Eyelight NM v/10 h/30 t/5670          | Hộp  | 60,000                |
| 55  |          | Coperil 4 v/30 h/30 t/9300            | Hộp  | 84,000                |
| 56  |          | Coperil plus v/30 h/30 t/9300         | Hộp  | 99,000                |
| 57  |          | Glumeform 500 v/10 h/100 t/7200       | Hộp  | 68,600                |
| 58  |          | Glumeform 850mg v/5 h/50              | Hộp  | 57,150                |
| 59  |          | GLUMERIF 2 V/10 H/30 T/5850           | Hộp  | 45,000                |
| 60  |          | Glumerif 4 v/10 h/30 t/5490           | Hộp  | 90,000                |
| 61  |          | Glumeron 30 MR v/20 h/100             | Hộp  | 120,000               |
| 62  |          | Losartan 50 v/10 h/30 t/5490          | Hộp  | 72,000                |
| 63  |          | Rotorlip 10 v/10 h/30 t/6240          | Hộp  | 105,000               |
| 64  |          | Teginol 50mg v/10 h/30 t/5400         | Hộp  | 20,400                |
| 65  |          | Etoral cream Tube 5g H/1 t/540        | Tube | 6,000                 |
| 66  |          | Medskin fusi t/10gr h/1 t/540         | Tube | 25,000                |
| 67  |          | Medskin Mico t/10g t/240              | Tube | 12,000                |
| 68  |          | AcezinDHG 5 v/25 h/50 t/12800         | Hộp  | 7,200                 |
| 69  |          | IVIS SALT 10ml H/1 T/720              | Chai | 3,500                 |
| 70  |          | Stoccel P gói/20g h/24 T/480          | Hộp  | 72,000                |
| 71  |          | DilodinDHG v/10 h/50 t/7200           | Hộp  | 100,000               |
| 72  |          | Lopenca v/20 h/100 t/12800            | Hộp  | 31,000                |



\* **Chương trình 2:**

| Stt | Tên Hàng Hóa                      | ĐVT | Nguyên giá (chưa VAT) |
|-----|-----------------------------------|-----|-----------------------|
| 1   | Hapacol 150 Flu G/1.5 h/24 t/3456 | Hộp | 40,800                |
| 2   | Hapacol 80mg G/1.5 h/24 t/3456    | Hộp | 28,800                |
| 3   | Hapacol child v/10 h/100          | Hộp | 25,000                |
| 4   | Hapacol ACE 500 v/10 h/100 t/6000 | Hộp | 36,000                |
| 5   | Hapacol Flu v/10 h/100            | hộp | 75,000                |
| 6   | Hapacol 150mg G/1.5 h/24 t/3456   | hộp | 38,400                |

| Stt | Tên Hàng Hóa                        | ĐVT  | Nguyên giá<br>(chưa VAT) |
|-----|-------------------------------------|------|--------------------------|
| 7   | Hapacol CF v/5 h/50 t/4800          | hộp  | 42,500                   |
| 8   | Hapacol 250 sinus G/1.5 h/24 t/3456 | hộp  | 55,200                   |
| 9   | Hapacol 325 Flu gói 1.5g h/24 gói   | hộp  | 60,000                   |
| 10  | Hapacol cảm cúm v/10 h/100          | Hộp  | 88,000                   |
| 11  | Hapacol cảm cúm chai/200            | Chai | 168,000                  |

**\* Chương trình 3:**

| STT | Tên sản phẩm                     | Đvt  | Nguyên giá<br>(Chưa VAT) |
|-----|----------------------------------|------|--------------------------|
| 1   | NattoEnzym v/10 h/30             | hộp  | 135,000                  |
| 2   | NattoEnzym hộp/1 chai/90 t/13500 | chai | 360,000                  |

6. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại: sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng.
7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại): tất cả khách hàng thương mại (nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý, công ty dược...)
8. Cơ cấu giải thưởng (nội dung giải thưởng, giá trị giải thưởng, số lượng giải thưởng):  
theo mục 10
9. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ dự kiến dùng để khuyến mại: 500,000,000đ tổng doanh số dùng để khuyến mãi.
10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại:

**\* Chương trình 1:**

| Danh mục                                                                                                                                                                                  | Doanh số        | Quà tặng                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                         | ≥1,000,000 đồng | sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng tương đương với tỷ lệ 2% |
|                                                                                                                                                                                           | ≥3,000,000 đồng | sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng tương đương với tỷ lệ 3% |
| 2                                                                                                                                                                                         | ≥500,000 đồng   | sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng tương đương với tỷ lệ 4% |
|                                                                                                                                                                                           | ≥2,000,000 đồng | sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng tương đương với tỷ lệ 5% |
| <b>Khuyến mãi tặng thêm:</b> Mỗi 3,000,000đ/danh mục khách hàng được tặng thêm 01 hộp Taginba v/15 h/30 (1.6%). Khách hàng có thể quy đổi 2 hộp Taginba v/15 h/30 đổi 1 hộp Yunpro 20 gói |                 |                                                                                                                     |

**\* Chương trình 2:**

| STT                                                                                                                                                    | Doanh số         | Quà tặng                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                                                                                                                      | ≥1,000,000 đồng/ | sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng tương đương với tỷ lệ 3% |
| Khuyến mãi tặng thêm: khi mua 1 trong 2 sản phẩm (hoặc cả 2 sản phẩm) số thứ tự (10) và (11), <b>mỗi 500,000đ</b> tặng thêm 01 hộp Coldacmin Flu (6%). |                  |                                                                                                                     |

**\* Chương trình 3:**

| STT | Doanh số                               | Quà tặng                                                                                                            |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | ≥500,000 đồng/                         | sản phẩm DHG, vàng nhẫn SJC, cây dù, quà tặng, hàng tiêu dùng, quà theo yêu cầu khách hàng tương đương với tỷ lệ 6% |
| 2   | 05 hộp 30 viên hoặc<br>02 chai 90 viên | 1 cây dù                                                                                                            |

Chi nhánh công ty cổ phần Dược Hậu Giang tại Sóc Trăng thông báo đến Quý Sở và cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mãi trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

**GIÁM ĐỐC**  
  
*Nguyễn Anh Toàn*